TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T O** **THÀNH PHỐ H N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **10** /2020/HS-ST
Ngày 29/4/2020.
V/v: V V L cố ý gây thương tích

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T O

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TIẾN HÙNG.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **LƯU BÁ KHÔI.**

2. Bà **NGUYỄN THỊ TÍCH.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **LÊ VIỆT CƯỜNG,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện T O, thành phố H N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T O tham gia phiên toà:
Bà **NGUYỄN THỊ HẠNH,** Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T O, thành phố H N. Tòa án nhân dân huyện T O xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 03 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **V V L,** tên gọi khác: Không có; Sinh năm: 1994.Nơi đăng ký NKTT và nơi ở: thôn T X, xã X D, huyện T O, H N.Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp:Lao động tự do,Trình độ văn hoá: 07/12.Họ và tên bố: V V T , sinh năm: 1972(c);Họ và tên mẹ: L T T, sinh năm: 1973.Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Họ tên vợ: L V A, sinh năm: 2001.Con đẻ: chưa có.Hiện đều trú tại thôn T X, xã X D, huyện T O, TP H N.
Tiền án, nhân thân: chưa có.
Tiền sự: Ngày 17/6/2019 bị Công an xã X D, huyện T O xử phạt hành chính về hành vi *"Đánh người và xúi giục người khác đánh người",* mức xử phạt 500.000 đồng, bị cáo chưa nộp phạt. Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên toà.
**** Người bị hại:***
TVN, sinh năm 1982. trú tại: Thôn Đ T, xã KT, huyện T O, Tp.H N.
PVL, sinh năm 1995. trú tại: Thôn TD, xã PT, huyện T O, Tp.H N. Tại phiên tòa anh N có mặt, anh P V L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ muân thuẫn cá nhân giữa T V N *(tên gọi khác: H)* sinh năm 1982, trú tại thôn Đ T, xã KT, huyện T O, thành phố H N và V V L, sinh năm 1994, trú tại thôn T X, xã X D, huyện T O, thành phố H N.

Khoảng 19 giờ 00 ngày 12/7/2019, anh N có nhờ bạn là anh P V L, sinh năm 1995, trú tại thôn T DI, xã P T, huyện T O, TP H N điều khiển xe mô tô Wave biển số 29Y3-269.88 chở anh N từ nhà hàng S Đ ở xã X D về nhà. Khi đi đến khu vực nhà V V L ở thôn T X, xã X D, huyện T O, lúc này V V L đang đứng ở ngoài ngõ, nhìn thấy anh N nên chạy vào trong sân lấy 01 đoạn tuýp sắt dài 85cm, đường kính 2,1cm chạy ra khu vực trước cổng nhà, dùng tuýp sắt vụt 01 phát vào mu bàn tay trái của anh PV L làm xe máy đổ ra đường, V V L tiếp tục dùng tuýp vụt liên tiếp 02 phát vào phía sau bả vai trái của anh N, anh N bỏ chạy, V V L tiếp tục đuổi theo dùng tuýp vụt 01 phát vào phần lưng bên phải và 01 phát vào phần mạn sườn trái của anh N gây thương tích. Sau đó, anh N được anh P V L chở đi bệnh viện đa khoa huyện T O điều trị từ ngày 12/7/2019 đến ngày 17/7/2019.

Vật chứng thu giữ: 01 đoạn tuýp sắt có chiều dài 80 cm, đường kính 2,1cm *(do V V L giao nộp)*.

Sau khi đánh gây thương tích cho anh N,cho P V L, V V L đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan CSĐT – Công an huyện T O ra quyết định truy nã số 07 ngày 05/12/2019. Ngày 25/12/2019, V V L đến Công an huyện T O đầu thú.

Hậu quả: anh T V N bị bầm tím vùng mạn sườn trái, xây sát da vùng bả vai trái và bầm tím vùng lưng trái; Anh PVL bị trấn thương phần mềm tại mu bàn tay trái.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số: 4630/C09-TT1 ngày 25/9/2019 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận thương tích của T V N như sau:

" Tỷ lệ phầm trăm tổn thương cơ thể của T V N. Đối chiếu bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, áp dụng Mục 1, Phần I, Chương 9, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể cho sẹo nông, mờ tại bả vai trái của anh T V N tại thời điểm giám định là: ***01%*** *(một phần trăm).*

-Cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương sây sát da tại bả vai trái của anh T V N do vật tày gây nên."

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số: 5629/C09-TT1 ngày 15/8/2019 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận thương tích của P V L như sau:

" Tỷ lệ phầm trăm tổn thương cơ thể của P V L.Đối chiếu bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh P V L tại thời điểm giám định là: 0% (không phần trăm).

-Cơ chế hình thành thương tích: Do mu bàn tay trái của anh P V L không còn dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định cơ chế hình thành thương tích."

Về trách nhiệm dân sự: Anh T V N yêu cầu V V L phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại, số tiền 20.000.000 đồng.

Anh PV L yêu cầu V V L phải bồi thường số tiền 829.000 đồng tiền viện phí khám, chữa bệnh.

Đến nay, V V L chưa bồi thường cho anh T V N, anh P V L khoản tiền nào.

Tại cáo trạng số: 05/CT-VKS-HS ngày 14/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T O truy tố bị cáo V V L, về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt: V V L mức án từ: **09** tháng đến **12** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo V V L bồi thường cho người bị hại là TVN từ 08 triệu đến 10 triệu đồng; đối với PVL có đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường nên chấp nhận.

Về Vật chứng của vụ án là 01 đoạn tuýp sắt có chiều dài 80cm, đường kính 2,1cm tịch thu tiêu hủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. **Về tố tụng***:* Cơ quan điều tra Công an huyện TO và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TO và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo VVL không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[2**]. Về nội dung vụ án:** Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, nội dung bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Do xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân, khoảng 19 giờ ngày 12/7/2019 tại trước cửa nhà ở của mình V V L đã dùng 01 đoạn tuýp sắt dài 80cm, đường kính 2,1 cm là hung khí nguy hiểm vụt 02 phát vào bả vai trái, 01 phát vào lưng, 01 phát vào phần mạn sườn trái của anh T V N, gây thương tích, tổn hại 01% sức khỏe và gây thương tích cho P V L, do mu bàn tay trái của P V L không còn dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định cơ chế hình thành thương tích.

Đối chiếu với các quy định của pháp luật hình sự, thì hành vi của V V L đã phạm vào tội ***"Cố ý gây thương tích"***, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017).*

Xét tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo có tính nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi dùng hung khí là tuýp sắt đã trực tiếp xâm

phạm đến sức khỏe của nhiều người, sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra,bản thân có 01 tiền sự bị Công an xã X D, huyện T O xử phạt hành chính về hành vi *"Đánh người và xúi giục người khác đánh người",* mức xử phạt 500.000 đồng, chưa nộp phạt, sau khi phạm tội chưa bồi thường thương tích cho người bị hại, tuy thương tích của những người bị hại không lớn nhưng thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, do vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, nghiêm khắc với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3]. **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nhận thức rõ hành vi phạm tội, có lời xin lỗi đối với người bị hại vì vậy cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5]. ***Về trách nhiệm dân sự:*** *Ngày 06/3/2020 người bị hại anh P V L có đơn không yêu cầu bị cáo V V L bồi thường thương tích nên không xem xét.*

Người bị hại anh T V N yêu cầu bị cáo V V L phải bồi thường tổng chi phí là: 19.542.000đồng (BL:152), bao gồm:

+ Tiền viện phí : 1.311.000đồng; (BL 126)

+ Tiền đăng ký khám bệnh tại Viện 103 là: 137.000đồng(BL 123);

+ Tiền mua thuốc tại viện 103 là: 438.000đồng(BL 121);

+ Tiền chụp XQ tại phòng khám y dược 198: 56.000đồng

+ Hóa đơn mua thuốc tại nhà thuốc H A: 590.000đồng(BL 120).

+ Hóa đơn mua băng cố định khớp vai: 190.000đồng.

+ Tiền thuê xe ô tô mua thuốc là: 6.200.000đồng.

+ Tiền Phòng ơ bệnh viện đa khoa T O: 1.450.000đồng.

+ Tiền mua thuốc thêm ở nhà là: 2.870.000đồng.

+ Tiền ăn uống là: 3.300.000đồng;

+ Phụ phí: 3.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại không xuất trình thêm các căn cứ khác chứng minh chi phí điều trị thương tích của mình.

Căn cứ Bệnh án của Bệnh viện đa khoa huyện T O: Anh N điều trị từ ngày 12/7/2019 đến ngày 17/7/2019 ra viện: là 06 ngày nằm viện.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật dân sự và Nghị quyết 03/2006/NQ - HĐTP ngày 08/7/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì các khoản chi phí hợp lý được HĐXX chấp nhận bao gồm:

- Tiền khám chữa, chụp chiếu, đi lại và tiền thuốc theo hóa đơn viện phí: 3.000.000đồng;

- Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe là 3.000.000 đồng;

- Tiền tổn thất về tinh thần đối với anh N là người tàn tật nên cần chấp nhận và được tính bằng 03 tháng lương: 1.490.000đồng x 3 tháng = 4.470.000đồng.

- Tiền công 01 người chăm sóc cho anh N tại Bệnh viện huyện TO là 06 ngày và tiền mất thu nhập của anh N trong thời gian nằm viện theo mức thu nhập bình quân tại địa phương. Căn cứ biên bản xác minh ngày 03/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã KT thì thu nhập bình quân của người dân tại địa phương đối với người lao động tự do là 43.800.000đồng/1 người/1 năm (BL153), bằng: 3.650.000 đồng/tháng; bằng 120.000 đồng/ngày, tuy nhiên xét về mặt bằng chung và mức thu nhập hiện nay của người lao động tại địa phương nên cần chấp nhận với mức 300.000đ/01 ngày công lao động x 06 ngày chăm sóc anh N = 1.800.000đồng và 300.000đồng/01 ngày x 06 ngày mất thu nhập = 1.800.000đồng.

Tổng số tiền bị cáo V V L phải bồi thường cho anh N là: ***14.070.000đồng.***

[6]**. Về án phí***:* Bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự theo quy định của pháp luật.

[7]. **Về quyền kháng cáo***:* Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. **Về tội danh:** Tuyên bố **V V L** phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

[2]. **Về điều khoản áp dụng và hình phạt:**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **V V L**: **06** (sáu)tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3].**Về trách nhiệm dân sự***:* Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo V V L phải bồi thường thương tích cho anh T V N(H) tổng số tiền là: **14.070.000đồng.**

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. **Về xử lý vật chứng***:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn tuýp sắt dài 80cm, đường kính 2,1 cm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/02/2020 giữa cơ quan Thi hành án dân sự huyện T O với cơ quan công an huyện T O.

[5]. **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo V V L phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 703.500đồng án phí bồi thường thiệt hại.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, bị hại anh N(H)có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại anh P V L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND TP. H N ;
- VKSND huyện T O;
- CA huyện T O;
- THADS huyện T O;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TIẾN HÙNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Hùng